

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HS-ST
Ngày: 18-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Truyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Rô

Ông Dương Quốc Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thơm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 8 năm 2020 đối với:

- Bị cáo: Hà Hoàng V sinh năm 1955; tại Vĩnh Long.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: ấp B, xã Trường L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn B sinh năm 1930 (chết) và bà Lữ Thị P sinh năm 1930 (chết); có vợ và 05 người con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tốt; ngày 15/5/2020 bị cáo bị bắt tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Hoàng Vân: Ông Đặng Văn Clà Luật sư của Văn phòng luật sư Đặng Văn C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh; trú tại: số 02 đường Nguyễn Tấn L, ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH Đầu tư phát triển T; trụ sở 22-29, đường số 44, phường T, quận B, Tp.HCM.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1959; trú tại số 74, đường số 14, phường 11, quận G, Tp.HCM; có mặt.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Trần Hồ N là luật sư của Văn phòng Luật sư T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long; trụ sở: 70/78 T, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/. Ông Lê Hà N sinh năm 1989; trú ấp P, xã Ph, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; có mặt.

2/. Ông Hồ Hải B sinh năm 1971; trú tại số 08/7/3, ấp 4, xã B, huyện B, Tp.HCM; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Nguyễn Văn Đ là Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th có trụ sở tại số 22-29, đường số 44, phường T, quận B, Tp.HCM. Khoảng tháng 8/2017 ông Đ đại diện cho Công ty ký hợp đồng với bị cáo V cho thuê tài sản gồm: 02 quyền sử dụng đất thửa 35, thửa 606 và nhà ở cùng tài sản gắn liền trên đất tọa lạc ấp B, xã T, thị xã D để làm bãi bán vật tư xây dựng; 01 xe cuốc Solra 208 LC-III năm 1993 (1,2m³); 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658, số máy 6D31-047055, số khung YN-19760; 01 xe cầu bánh xích. Đến ngày 17/10/2018 bị cáo tự ý bán xe 01 xe Kobeco biển số 65XA-0658 của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th cho ông Ng với giá 260.000.000 đồng, khi bán xe bị cáo nói dối với ông Ng là xe của bị cáo không có giấy tờ và lấy danh nghĩa Công ty H để bán cho ông Ng, bị cáo sử dụng số tiền bán xe 260.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và trả nợ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐG ngày 11/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản kết luận: 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658, số máy 6D31-047055, số khung YN-19760 giá: 260.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 16/CT-VKS-HS ngày 10/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố bị cáo Hà Hoàng V, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Tháng 8/2017 bị cáo ký hợp đồng thuê tài sản của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th để kinh doanh mua bán vật tư xây dựng. Đến ngày 17/10/2018 do bị cáo thiếu nợ và không có tiền tiêu xài nên đã tự ý bán xe 01 xe Kobeco biển số 65XA-0658 của Công ty cho thuê để lấy tiền sử dụng, khi bán bị cáo nói dối với ông Ng là xe của bị cáo không có giấy tờ và lấy danh nghĩa Công ty H để bán xe cho ông Ng với giá 260.000.000 đồng, nhưng ông Đ không biết. Sau khi bị khởi tố bị bắt tạm giam ông có nộp số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường cho ông Ng.

Đại diện Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th ông Đ trình bày: tháng 8/2017 Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th ký hợp đồng cho bị cáo V thuê 02 quyền sử dụng đất thửa 35, thửa 606 và nhà ở cùng tài sản gắn liền trên đất tọa lạc ấp B, xã T, thị xã D để làm bãi bán vật tư xây dựng; 01 xe cuốc Solra 208 LC-III năm 1993 (1,2m³); 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-

0658, số máy 6D31-047055, số khung YN-19760; 01 xe cầu bánh xích. Tuy nhiên bị cáo đã tự ý bán 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658 và đào bãi vật tư bán 878,2m³ khối cát của Công ty. Về kết luận định giá tài sản xe và m³ cát của Hội đồng định giá thì ông thống nhất, không có ý kiến gì. Về trách nhiệm hình sự ông yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo, yêu cầu xử lý hình sự hành vi chiếm đoạt 878,2m³ cát và yêu cầu nhận lại xe.

Ông Ng trình bày: ông và ông B có hùn tiền để mua 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658 của bị cáo với giá 260.000.000 đồng. Khi bán xe bị cáo nói với ông là xe của Công ty không có giấy tờ nên mua mà không biết xe của bị hại. Sau khi mua ông có sửa chữa lại với số tiền 150.000.000 đồng. Nay ông yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho ông và ông B số tiền mua xe 260.000.000 đồng và tiền sửa xe 150.000.000 đồng, ông đồng ý giao xe trả lại cho bị hại.

Kiểm sát viên luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo V từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về vật chứng: áp dụng điểm c khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự giao trả cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658, số máy 6D31-047055, số khung YN-19760, do ông Đ là người đại diện theo pháp luật được nhận. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Vân bồi thường thiệt hại cho ông Ng và ông B số tiền mua bán xe 260.000.000 đồng; dành cho ông Ng và ông B ở một vụ kiện dân sự khác về yêu cầu số tiền sửa xe là 150.000.000 đồng.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến tranh luận: việc truy tố bị cáo phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên cần làm rõ nguồn gốc tài sản của bị hại, tài sản là của cá nhân hay của Công ty. Về hình phạt đối với bị cáo từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù là quá nghiêm khắc đối với bị cáo, vì: tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị chỉ trên mức khởi điểm của khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự, bị cáo cũng đã ăn năn hối cải và đã khắc phục được một phần thiệt hại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về yêu cầu của ông Ng bồi thường tiền sửa xe là không có căn cứ, vì không phải là số tiền bị cáo chiếm đoạt. Bị cáo không có ý kiến phát biểu bổ sung.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại phát biểu ý kiến tranh luận: Bị cáo bị truy tố về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên ngoài hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe giá trị 260.000.000 đồng, bị cáo còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 878,2m³ cát để bán nhưng không bị xem về trách nhiệm hình sự, do đó đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ điều tra bổ sung để xử lý hình sự. Sau khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo có hành vi đe dọa bị hại, do đó Viện kiểm sát đề nghị tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm “s” khoản 1

Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là không có căn cứ. Về trách nhiệm dân sự: bị cáo có hành vi chiếm đoạt cát của bị hại nên đề nghị lấy số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp khắc phục để bồi thường cho bị hại. Bị hại thống nhất quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Ng không phát biểu ý kiến tranh luận.

- Kiểm sát viên phát biểu tranh luận đối đáp:

+ Về quan điểm của người bào chữa: nguồn gốc tài sản đã thể hiện rõ ràng ông Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã mua 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658, tuy nhiên chưa làm đúng thủ tục để Công ty đứng tên chủ sở hữu nhưng thực tế là tài sản của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th; về trách nhiệm hình sự: mức hình phạt đề nghị từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù giam là đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nên mức hình phạt nêu trên là tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

+ Về quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: quá trình điều tra, kiểm sát vụ án và xét hỏi tại phiên tòa đã có đủ căn cứ để xác định: bị hại cho bị cáo thuê hai quyền sử dụng đất để làm bãi chứa vật tư xây dựng, bị cáo có hành vi lấy cát đi bán không làm mất quyền sử dụng đất của bị hại, mà chỉ làm giảm giá trị tài sản cho thuê, theo hợp đồng các bên cũng có thỏa thuận nếu làm giảm giá trị cho thuê thì bên thuê phải bồi thường thiệt hại, dó đó đây là tranh chấp dân sự. Tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa bị cáo khai đúng sự việc bán xe mà Viện kiểm sát đã truy tố và bị cáo cũng nhận lỗi, ăn năn hối cải nên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm ‘s’ khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Về trách nhiệm dân sự: bị hại chỉ yêu cầu nhận lại xe không có yêu cầu bồi thường thiệt hại về xe, bị cáo có ý kiến số tiền 50.000.000 đồng nộp khắc phục hậu quả cho bên mua xe nên đề nghị giao số tiền 50.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại là không có căn cứ.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Lời khai của bị cáo V tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án và phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra thu thập được. Trên cơ sở đánh giá, xem xét toàn diện các chứng cứ có đủ căn cứ để kết luận: Sau khi thuê tài sản của Công ty TNHH Đầu tư phát triển

Th. Đến ngày 17/10/2018 bị cáo tự ý bán 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658 của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th nên bị cáo đã nói dối với ông Ng là xe của Công ty không có giấy tờ để bán xe cho ông Nguyễn với giá 260.000.000 đồng mà ông Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty không biết.

[2] Bị cáo V là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nhận biết việc thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm tài sản là vi phạm pháp luật, tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 260.000.000 đồng. Do đó hành vi của bị cáo Vân đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì lòng tham bị cáo đã lạm dụng tín nhiệm của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th khi đang quản lý, sử dụng tài sản cho thuê, bị cáo đã bán tài sản của Công ty để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của Công ty; làm mất trật tự xã hội tại địa phương. Do đó cần phải xử lý nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định đủ thời gian cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả nên bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658, số máy 6D31-047055, số khung YN-19760 là tài sản hợp pháp của Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th, hiện Công an tỉnh Trà Vinh đã tạm giao cho ông Nguyễn và ông B quản lý. Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự giao trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th do ông Đ là người đại diện theo pháp luật của Công ty được nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông Ng và ông B có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại tiền mua xe 260.000.000 đồng và tiền sửa xe 150.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo là người gây ra thiệt hại cho ông Ng và ông B khi bán xe nhưng không phải là chủ sở hữu nên yêu cầu của ông Ng và ông B buộc bị cáo bồi thường giá trị xe 260.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận, bị cáo đã nộp khắc phục 50.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án thị xã Duyên Hải, do đó bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 210.000.000 đồng. Đối với yêu cầu tiền sửa xe, Hội đồng xét xử xét thấy: tại phiên tòa ông Ng và ông B chưa cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về thiệt hại, do đó dành cho ông Ng và ông B ở một vụ kiện dân sự khác.

[7] Về quan điểm luận tội đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Quan điểm buộc tội của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các tình tiết và các tài liệu được thẩm tra tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về quan điểm bào chữa cho bị cáo: Trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ đã đủ căn cứ chứng minh nguồn gốc và chủ sở hữu tài sản nên việc đề nghị làm rõ là không cần thiết, vì tài sản có nguồn gốc hợp pháp được ông Đông mua của Công ty Cổ phần Hoàn Thiện nhưng chưa làm thủ tục để Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th đứng tên chủ sở hữu tài sản, tài sản cũng không có tranh chấp, tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của ông Đ khẳng định là tài sản của Công ty. Về trách nhiệm hình sự: đại diện Viện kiểm sát đã phân tích đúng tính chất, mức độ, vai trò, vị trí và hậu quả của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên mức đề nghị hình phạt từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: giữa bị hại và bị cáo có ký kết hợp đồng dân sự cho bị cáo thuê hai quyền sử dụng đất. Theo hợp đồng hai bên có thỏa thuận nếu làm giảm giá trị tài sản thì phải bồi thường thiệt hại. Bị cáo có hành vi đào lấy 878,2m³ cát là giảm giá trị quyền sử dụng đất, vi phạm hợp đồng cho thuê. Quá trình điều tra đã kết luận đây là tranh chấp dân sự, do đó đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để xử lý hình sự là không có căn cứ. Về trách nhiệm hình sự: bị cáo thể hiện được sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được xem xét giảm nhẹ hình phạt theo điểm “s” khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu nhận lại xe, không có yêu cầu bồi thường xe, về tranh chấp dân sự 878,2m³ không giải quyết trong vụ án này nên số tiền bị cáo nộp 50.000.000 đồng để khắc phục cho ông Nguyễn.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người cao tuổi và có đơn miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự 200.000 đồng và án phí dân sự 10.500.000 đồng án phí dân sự (210.000.000 đồng x 5% = 10.500.000 đồng).

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Duyên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Hà Hoàng V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Hoàng V 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn phạt tù của bị cáo Hà Hoàng V được tính từ ngày tạm giam ngày 15/5/2020.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự giao trả lại cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658, số máy 6D31-047055, số khung YN-19760. Buộc ông Lê Hà Ng và ông Hồ Hải B giao trả cho Công ty TNHH Đầu tư phát triển Th 01 xe Kobeco năm 1998 (loại đĩa bay) biển số 65XA-0658, số máy 6D31-047055, số khung YN-19760, do ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo pháp luật được nhận.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Hà Hoàng V bồi thường thiệt hại cho ông Lê Hà Ng và ông Hồ Hải B số tiền mua bán xe 260.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền 50.000.000 đồng mà bị cáo Hà Hoàng V đã nộp bồi thường trước tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy buộc bị cáo Hà Hoàng V còn phải tiếp tục bồi thường cho ông Lê Hà Ng và ông Hồ Hải B số tiền 210.000.000 đồng.

Dành cho ông Lê Hà Ng và ông Hồ Hải B ở một vụ kiện dân sự khác về yêu cầu bị cáo Hà Hoàng V bồi thường chi phí sửa xe số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm số tiền 200.000 đồng và 10.500.000 đồng án phí dân sự cho bị cáo Hà Hoàng V.

Về quyền kháng cáo: những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người

tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- STP tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CA thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- UBND xã, phường;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Truyền